

Nâng cao năng lực số cho giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số

Nguyễn Thị Đoàn Hiền*, Mạc Mỹ Linh*

*ThS. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Received: 10/10/2024; Accepted: 18/10/2024; Published: 28/10/2024

Abstract: Digital transformation is an inevitable development trend, bringing many opportunities, while posing many challenges, with a strong impact on all levels, industries, fields, economics, society, security, national defense, and making fundamental and comprehensive changes. Digital transformation in education and training at the university level is being strongly implemented according to the national digital transformation program to 2025, with a vision to 2030 according to Decision No. 749/QĐ-TTg dated June 3, 2020, of the Prime Minister and Decision No. 131/QĐ-TTg dated January 25, 2022 on approving the Project to enhance the application of information technology and digital transformation in education and training for the period 2022-2025, with an orientation to 2030. The program implementation process has identified the requirements for digital transformation in university education, including the requirement to develop digital capabilities of lecturers at universities in Vietnam today.

Keywords: digital competencies, lecturers, digital transformation

1. Đặt vấn đề

Quá trình đẩy mạnh phát triển nền kinh tế số của Chính phủ đang có những tác động lớn đến các mặt của đời sống, kinh tế - xã hội, nhất là các doanh nghiệp (DN) trong việc chuyển đổi số (CĐS) trong kinh doanh. Việc CĐS đã thúc đẩy hình thành các DN với các sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ đa dạng, thông minh, sản xuất - phân phối linh hoạt hơn, công tác quản lý tài chính – kế toán được thực hiện trên phần mềm, trên các app quản lý nên thuận lợi hơn trong việc cập nhật số liệu về doanh thu, chi phí, lợi nhuận... và có thể so sánh được giữa các thời kỳ, xu hướng biến động của các chỉ tiêu tài chính.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khung năng lực số

Năng lực số (Digital competence) là một khái niệm bao trùm nhiều phương diện của vấn đề thích ứng công nghệ số (CNS) trong bối cảnh xã hội hiện nay (không chỉ là năng lực ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)). Khái niệm này được đưa ra bởi nhiều tổ chức lớn và uy tín trên thế giới như UNESCO, Trường Kinh tế London, Ủy ban Châu Âu, Hội đồng Châu Âu, Văn phòng UNESCO khu vực Châu Á Thái Bình Dương, Viện DQ (Vương quốc Anh); được nhắc nhiều đến trong những nghiên cứu khác nhau trên các phương diện như “digital literacy” (xóa mù số hay kiến thức/hiểu biết kỹ thuật số), “digital skills” (kỹ năng kỹ thuật số), hay “digital competences” (năng lực kỹ thuật số).

Dù có những sự khác biệt nhất định trong cách

định nghĩa, “năng lực kỹ thuật số” có thể được hiểu là: “Khả năng truy cập, quản lý, hiểu, tích hợp, giao tiếp, đánh giá và tạo ra thông tin một cách an toàn và hợp lý thông qua các CNS nhằm phục vụ mục đích học tập, nghiên cứu, giải trí, và các mục đích làm việc chuyên nghiệp khác. Trình độ kỹ thuật số cần thiết gắn liền với trình độ về máy tính, trình độ CNTT, trình độ thông tin số và các phương tiện truyền thông” (UNESCO, 2018).

Chiến lược phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Việt Nam đã nêu rõ và nhấn mạnh việc “xây dựng và tổ chức triển khai chuẩn kỹ năng số (KNS) và khung KNS quốc gia, trong đó, xác định các kỹ năng cần thiết, trình độ đáp ứng, phù hợp theo từng đối tượng. Thiết lập và tổ chức triển khai nền tảng sát hạch trực tuyến đánh giá, đo lường KNS cho từng đối tượng lao động, công chức, viên chức, sinh viên, học sinh phù hợp chuẩn KNS quốc gia” (Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022).

“Chương trình CĐS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ xác định như sau: Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để CNS trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ (CN) phục vụ giáo dục (GD), hướng tới ĐT cá thể hóa. Có 100% các cơ

sở GD triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo (ĐT) cho phép SV học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng CNS để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của SV trước khi đến lớp học.

Ứng dụng CDS sẽ tạo ra mô hình GD thông minh, từ đó giúp việc học, hấp thụ kiến thức của người học trở nên đơn giản và dễ dàng hơn. Sự bùng nổ của các nền tảng CN đã tạo điều kiện thuận lợi để truyền đạt kiến thức và phát triển được khả năng tự học của người học mà không bị giới hạn về thời gian cũng như không gian. Hiện tại, CDS trong GD được ứng dụng dưới 3 hình thức chính là: ứng dụng CN trong phương pháp giảng dạy; lớp học thông minh, lập trình... vào việc giảng dạy; ứng dụng CN trong quản lý: công cụ vận hành, quản lý; ứng dụng CN trong lớp học: công cụ giảng dạy, cơ sở vật chất.

2.2. Thực trạng CDS trong GD

2.2.1. Thành tựu đạt được

Việt Nam đã và đang CDS trong GD bằng hàng loạt các chính sách đã được ban hành. Theo thống kê đã có 63 cơ sở GD - ĐT và 710 phòng GD ĐT đã triển khai việc xây dựng cơ sở dữ liệu chung cho GD. Hiện nay đã có 82% các trường thuộc khối phổ thông đã sử dụng phần mềm để quản lý trường học. Việc áp dụng CDS đã góp phần thúc đẩy hoạt động “học tập suốt đời” cùng tài liệu trực tuyến. Tiêu biểu có thể kể đến là hoạt động chia sẻ 5.000 bài giảng điện tử cùng với 7.000 luận văn, hơn 31.000 câu hỏi trắc nghiệm... từ người dạy có chuyên môn.

Bên cạnh đó, một số chủ trương khác cũng được triển khai chính là thực hiện những chương trình GD phổ thông mới: i) tin học sẽ chính thức trở thành môn học bắt buộc dành cho SV từ lớp 3, việc này giúp SV tiếp cận được với rất nhiều kiến thức kỹ năng hiện đại trong và ngoài nước. ii) việc giảng dạy được lồng ghép CN Steam, giúp SV có thể giải quyết được các bài toán khó cũng như khám phá nhiều hiện tượng trong cuộc sống trực quan nhất; ii) đối với CDS áp dụng trong GD đại học, các trường đại học/viện nghiên cứu đã gia tăng cơ hội hợp tác cùng doanh nghiệp và triển khai hoạt động trong giảng dạy gắn liền với nhu cầu sử dụng nhân lực từ các doanh nghiệp. Từ đó, các trường/viện sẽ kịp thời nắm bắt các thông tin, cập nhật kiến thức, điều chỉnh nội dung, chương trình, dự báo các ngành nghề mới theo xu hướng chuyên dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất phù hợp với sự phát triển của đời sống xã hội.

2.2.2. Tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, quá trình tiếp cận về kiến thức trực tuyến ở vùng sâu, vùng xa gặp nhiều khó khăn: đối với những khu vực miền núi hay vùng sâu, vùng xa, hạ tầng mạng và trang thiết bị CNTT chưa được đảm bảo, gây ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý GD trong dạy và học.

Thứ hai, chưa có sự kiểm soát sát sao và toàn diện về học liệu số:* Để đáp ứng được nhu cầu học tập và nghiên cứu của người học, cần kho tài liệu số chuẩn xác. Tuy nhiên, nguồn nhân lực cũng như tài chính nước ta vẫn chưa thể đáp ứng được công việc này. Vì vậy, hiện đang xảy ra rất nhiều tình trạng về học liệu số tràn lan, thiếu tính xác thực và không được kiểm soát chặt chẽ về chất lượng cũng như nội dung. Từ đó, gây ra tình trạng không đồng nhất về kiến thức và tạo nên nhiều hệ lụy khác như tiêu hao tài chính, tốn thời gian.

Thứ ba, các quy định trong pháp lý chuyên về GD vẫn chưa được hoàn thiện: đây là vấn đề lớn gây ảnh hưởng tới quyền sở hữu trí tuệ cũng như an ninh thông tin... Đồng thời, đây cũng là cơ hội để hoàn thiện những quy định về thời lượng và cách kiểm tra, công nhận kết quả học trực tuyến. Mặc dù vậy, những vấn đề này hiện nay vẫn chưa được thực hiện một cách đồng nhất cũng như rõ ràng và chặt chẽ, từ đó gây nên nhiều bất cập trong quá trình CDS.

2.3. Giải pháp nâng cao năng lực của GV trong bối cảnh CDS

Một là, chủ thể lãnh đạo, chỉ huy các nhà trường cần nhận thức đúng vị trí, vai trò của CDS trong GD vào ĐT; quán triệt và thực hiện tốt biện pháp “Đột phá mạnh mẽ ứng dụng khoa học CN và CDS vào hoạt động GD và ĐT”. Dự báo đúng những thuận lợi cũng như những khó khăn, thách thức của CDS để từ đó có chủ trương, biện pháp tổ chức thực hiện mang lại hiệu quả cao nhất. Quá trình thực hiện CDS phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của mỗi nhà trường để tiến hành cho phù hợp, tránh nôn nóng, đốt cháy giai đoạn. CDS vào các hoạt động GD và ĐT phải được “tiên hành từng bước với yêu cầu cơ bản, vững chắc, tích hợp, liên thông cả hạ tầng dữ liệu và CN tiên tiến”.

Nhận thức đúng vị trí, vai trò của GV trẻ, phát triển năng lực số của GV góp phần thực hiện tốt CDS trong GD và ĐT. Nâng cao hiệu quả GD, bồi dưỡng cho GV về sự cần thiết và những yêu cầu đối với đội ngũ GV trong bối cảnh CDS hiện nay. Trong đó, cần “Chú trọng bồi dưỡng năng lực về

phát triển chương trìnhĐT, giảng dạy theo phương pháp hiện đại, nghiên cứu khoa học, trình độ ngoại ngữ, tin học, CDS, kiến thức thực tiễn, tâm lý trong hoạt động GD vàĐT cho đội ngũ nhà giáo”.

Hai là, xây dựng, phát triển môi trường số vững chắc, trong đó đặc biệt chú trọng việc xây dựng các phòng học chuyên dùng, bổ sung các trang thiết bị hiện đại cho các phòng thí nghiệm của các nhà trường, các hệ thống mô phỏng tương ứng, nâng cao tính hiệu quả trong việc số hóa tài liệu dạy học, công trình nghiên cứu khoa học, giáo trình, bài giảng vào cơ sở dữ liệu số nhằm phục vụ hiệu quả cho việc giảng dạy của đội ngũ GV và thuận lợi cho việc học tập, nghiên cứu của đội ngũ học viên. Thường xuyên bổ sung, hoàn thiện các quy định trong quản lý quá trình giảng dạy của GV trong CDS, có chính sách khuyến khích, động viên đội ngũ GV tích cực, chủ động trong ứng dụng CNTT vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đấu tranh tư tưởng, lý luận.

Phát huy sức sáng tạo trong thực hiện công tác chuyên môn của đội ngũ GV, làm tốt công tác bảo đảm cơ sở vật chất kỹ thuật cho GV, tạo những điều kiện tốt nhất phục vụ cho nghiên cứu, giảng dạy nhằm thúc đẩy, tạo động lực cho đội ngũ GV nâng cao năng lực số, góp phần làm cho quá trình CDS diễn ra thuận lợi, đạt hiệu quả tốt nhất.

Thứ ba, đối với GV trẻ các nhà trường. GV trẻ là vừa là khách thể vừa là chủ thể của quá trình phát triển năng lực. Với tư cách là chủ thể, GV trẻ giữ vai trò quyết định đến việc phát triển năng lực số của bản thân trong bối cảnh CDS hiện nay. Vì vậy, phát huy nhân tố chủ quan của GV các nhà trường trong tự phát triển năng lực đáp ứng yêu cầu CDS hiện nay là biện pháp có vai trò quan trọng hàng đầu. Đội ngũ GV các trường cần không ngừng tự học, tự bồi dưỡng và nâng cao năng lực số thông qua nền tảng dữ liệu mở và phong phú hiện nay. Tích cực tham gia đầy đủ các chương trìnhĐT, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ về ứng dụng CDS trong các hoạt động GD vàĐT; trên cơ sở đó, cụ thể hóa thành việc làm cụ thể trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đấu tranh tư tưởng, lý luận và thực hiện các công tác khác theo chức trách, nhiệm vụ được giao. Có thái độ đúng với CDS trong GD vàĐT, trung thực trong việc thu thập, xử lý dữ liệu thông tin và luôn đề cao tinh thần trách nhiệm khi chia sẻ thông tin, quán triệt và thực hiện đúng nguyên tắc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bí mật quân sự trong môi trường CDS.

Phát huy tính tích cực, năng động, sáng tạo và tự tin của đội ngũ GV trong ứng dụng CN vào thực hiện các hoạt động chuyên môn. Đây được xem là “chìa khóa” để GV nâng cao tâm thế hội nhập, thông qua đó phát triển bản thân. Luôn có tinh thần đổi mới trong việc kết hợp giữa sử dụng các thiết bị CN phù hợp với phương pháp giảng dạy cho các đối tượng học viên nhằm mang lại hiệu quả tích cực, nâng cao chất lượng các bài giảng. Làm quen và thành thục phương pháp giảng dạy trực tuyến. Điều đó đòi hỏi mỗi GV cần luôn sáng tạo, tự mình tìm ra phương pháp giảng dạy phù hợp với bản thân, thích hợp với đối tượng người học để từ đó vận dụng linh hoạt trong nâng cao chất lượng giảng dạy.

Với CDS, người học có thể tiếp cận nghiên cứu, nắm trước chương trình môn học, bài giảng. Điều đó đặt ra vấn đề đối với GV cần có cách thức tiếp cận mới, linh hoạt, sáng tạo trong truyền đạt nội dung. Cụ thể và bám sát sự vận động phát triển của thực tiễn để tạo sự thống nhất, đồng bộ giữa lý luận và thực tiễn, tri thức khoa học phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của đối tượng giảng dạy. Tránh sử dụng lặp lại những cách thức, lối mòn cũ, giảng dạy những tri thức đã có, đã được upload lên kho dữ liệu số, tạo tâm lý thiếu tích cực của người học trong quá trình tiếp thu nội dung.

3. Kết luận

Nâng cao năng lực số của GV các nhà trường trong bối cảnh CDS hiện nay là vấn đề vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính lâu dài, có ý nghĩa quyết định đến nâng cao chất lượng GD vàĐT của các nhà trường. Do đó, cần có sự thống nhất và đồng bộ trong các khâu, các bước tổ chức thực hiện, nhằm phát huy sự sáng tạo của đội ngũ GV trong phát triển năng lực số của tự bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới GD vàĐT trong tình hình mới.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trìnhĐT các trình độ của GD đại học*, Hà Nội.
- [2]. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư số 200/2014/TT-BTC quy định về chế độ kế toán DN*, Hà Nội.
- [3]. Bộ Tài chính (2016), *Thông tư số 133/2016/TT-BTC quy định về chế độ kế toán DN nhỏ và vừa*, Hà Nội.
- [4]. Bộ Tài chính (2017), *Thông tư số 107/2017/TT-BTC quy định về chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp*, Hà Nội.